SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
BỆNH VIỆN ĐK NAM TIỀN HẢI
Số: 170/YC-BVNTH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Tiền Hải, Ngày 25 tháng 06 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các công ty, các nhà sản xuất tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa Nam Tiền Hải có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá kế hoạch cho các mặt hàng: Thiết bị tường lửa, máy scan 2 mặt, máy đọc thẻ CCCD, máy in phiếu khám, bút ký điện tử phục vụ công tác triển khai bệnh án điện tử tại Bệnh viện đa khoa Nam Tiền Hải năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa Nam Tiền Hải
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
   + Họ tên: Nguyễn Văn Chung - Chức vụ: Trưởng khoa Dược
   + Số điện thoại: 0374707463
   + Email: khoaduocbvnth@gmail.com
3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Các đơn vị gửi báo giá bản mềm qua Email: khoaduocbvnth@gmail.com hoặc gửi bản cứng về địa chỉ: Khoa Dược, Bệnh viện đa khoa Nam Tiền Hải (Thôn Vĩnh Trà, xã Nam Trung, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 10h00 ngày 25 tháng 06 năm 2025 đến trước 10h ngày 30 tháng 06 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: 90 ngày, kể từ ngày 30 tháng 06 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hoá: Như phụ lục đính kèm
2. Địa điểm cung cấp dịch vụ: Bệnh viện Đa khoa Nam Tiền Hải, địa chỉ thôn Vĩnh Trà, xã Nam Trung, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.
3. Thời gian thực hiện: Năm 2025 – 2026.
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không quá 03 tháng sau khi bên chủ đầu tư nhận được đầy đủ hóa đơn tài chính và các chứng từ có liên quan.
5. Các thông tin khác (nếu có): Không có.

Xin cảm ơn sự hợp tác của các quý vị./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu VT, KHTH, KD.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA NAM TIỀN HẢI

BSCKI: LÊ SINH

DANH MỤC ĐÍNH KÈM YÊU CẦU BÁO GIÁ SỐ: 170/YC-BVNTH NGÀY 25/06/2025

STT	Danh mục	Cấu hình chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	**Thiết bị tường lửa**	**- Hiệu suất và năng lực:** + Thông lượng Firewall: 28 Gbps + Firewall Latency: 3.23 µs + Firewall Throughput (Packet Per Second): 41.85 Mpps + Maximum Sessions: 1500000 + New Sessions(Connections)/Sec: 124000 + Firewall Policies: 5000 + Thông lượng IPSec VPN: 25 Gbps + SSL VPN Throughput: 1.4 Gbps + Concurrent SSL-VPN Users: 200 + SSL/TLS Inspection Throughput: 2.6 Gbps + SSL Inspection CPS: 1400 + SSL Inspection Concurrent Connections: 300000 + IPS Throughput ≥ 4.5 Gbps + NGFW Throughput ≥ 2.5 Gbps + Thông lượng Threat Prevention: 2.2 Gbps + Application Control Throughput: 6.7 Gbps + Số cổng RJ45 built-in: 8 + Số slot giao tiếp SFP+: 2 Số cổng USB: 1 Số cổng Console ≥ 1 + Hỗ trợ 2 nguồn (có khả năng dự phòng nguồn) **- Tính năng:** + Cung cấp hiệu suất lọc bảo mật và kiểm tra dữ liệu mã hóa SSL với hiệu suất cao. + Tích hợp với kiến trúc phần cứng độc quyền bao gồm các thành phần tăng tốc (SPU) và bộ xử lý đa lõi. + Tích hợp phần mềm và phần cứng vượt trội đảm bảo sử dụng tối ưu các thành phần phần cứng, mang lại chi phí / hiệu suất cao nhất cho khách hàng." + Hỗ trợ tính năng kiểm soát URL truy cập Internet của người dùng dựa theo phân loại từ cơ sở dữ liệu của nhà sản xuất + Hộ trợ tính năng IPS để ngăn chặn các dạng tấn công mạng dựa theo thông tin	Chiếc	1	

		nhận diện được cập nhật từ hãng sản xuất và cho phép quản trị viên tự định nghĩa thông tin nhận diện + Hỗ trợ tính năng Antivirus để lọc virus/malware qua các kênh truyền mạng như HTTP, FTP, SMTP, IMAP, POP3 + Tính năng antivirus hỗ trợ cơ chế phân tích malware dựa trên AI/Machine Learning để tăng khả năng ngăn chặn tấn công Zero-day **Automation:** + Hỗ trợ chức năng tự động hoá: quản trị viên lập trình sẵn hành vi phản ứng khi có các sự cố (incident/ event), ví dụ cách ly host khi phát hiện lây nhiễm; Gửi email, cảnh báo đến quản trị viên hoặc tự động thực hiện CLI Script khi CPU sắp quá tải/ có thay đổi trên cấu hình thiết bị… để đơn giản công tác quản trị, các khai báo tự động hoá này phải được thiết lập trên cùng một trang giao diện quản lý (GUI)" **VPN:** Hỗ trợ tính năng IPSec Aggregate tunnels: - Thiết lập dự phòng và cân bằng tải dữ liệu. - Hỗ trợ cân bằng tải trên từng gói tin (Per-packet) theo các thuật toán: IP Addresses, L4 information và (weighted) round-robin." **VPN:** Auto Discovery VPN (ADVPN): Tự động thiết lập Tunnel kết nối (gọi là đường tắt - shortcuts) giữa các Spoke trong kiến trúc Hub và Spoke. - UDP Hole Puching hỗ trợ thiết lập kết nối shortcut giữa các Spoke nằm sau lớp NAT" Hỗ trợ tính năng DNS forwarder cho phép thiết bị tường lửa giữ và định tuyến lại bản tin DNS query tới địa chỉ DNS Server cho một số domain chỉ định Tính năng DNS forwarder cho phép thiết bị tường lửa can thiệp vào gói tin DNS Request mà không cần thay đổi cấu hình DNS Server tại thiết bị người dùng **VPN:** Hỗ trợ triển khai theo các chế độ: Gateway-to-Gateway, hub-and-spoke, full mesh, redundant-tunnel, VPN terminate in transparent mode" **SD WAN:** Tính năng Software-defined WAN được phát triển và xây dựng từ cùng nhà sản xuất nhằm đảm bảo mức độ tương thích cao nhất Cân bằng tải đường WAN theo các thuật toán dựa vào trọng số (weighted) sau: Volume, Session, Source-Destination IP, Source IP và spillover. Kiểm tra kết nối WAN theo SLAs:			

		- Ping hoặc HTTP - Giám sát dựa theo các thông số Latency, Jitter và Packet Loss - Có khả năng cấu hình ngưỡng theo Interval, Failure và Fail-back Chính sách đa đường thông minh được định nghĩa bởi: - Địa chỉ nguồn và/hoặc nhóm người dùng - Địa chỉ đích và và/hoặc lựa chọn hơn 3,000 ứng dụng - Lựa chọn đường đi (path) dựa theo chất lượng hoặc SLAs được định nghĩa" Hỗ trợ tính năng cân bằng tải server thông với nhiều phương thức: Tĩnh (Failover), Round Robin, Weighted Round Trip Time, số lượng Connections. Hỗ trợ tính năng cân bằng tải server thông với nhiều giao thức: HTTP, HTTPS, IMAPS, POP3S, SMTPS, SSL hoặc các giao thức được định nghĩa dựa trên TCP/UDP **SD WAN:** Hỗ trợ đo lường hiệu suất đường truyền theo hình thức bị động: đo lường hiệu suất đường truyền dựa theo thông tin session được ghi nhận bởi các chính sách tường lửa" Tính năng Application Control: Hỗ trợ phát hiện hàng ngàn ứng dụng, có khả năng tùy chỉnh thông tin nhận diện ứng dụng. **IPS and DoS:** Thiết bị có khả năng chống tấn công DOS cơ bản với các tính năng: TCP Syn flood, TCP/UDP/SCTP port scan, ICMP sweep, TCP/UDP/SCTP/ICMP session flooding (source/destination)" + Hỗ trợ cơ chế HA: Active-passive, active-active, virtual clusters, VRRP + Tích hợp sẵn token-server để quản lý cả token phiên bản cứng và phiên bản mobile để dùng cho nhiều loại hình xác thực, ví dụ kết nối VPN, truy cập thông qua tài khoản quản trị + Thiết bị có đầy đủ bản quyền sử dụng các tính năng IPS, Anti-Malware Protection, Application Control, URL DNS và Video Filtering, Antispam thời hạn 1 năm + Thiết bị có đầy đủ bản quyền sử dụng dịch vụ Sandbox Cloud từ nhà sản xuất thời hạn 1 năm + Dịch vụ bảo hành phần cứng và hỗ trợ kỹ thuật của hãng sản xuất, thời hạn 1 năm			
2	**Máy scan 2 mặt**	- Loại máy scan: ADF, 2 mặt - Tốc độ scan: Simplex: 20 ppm (200/300 dpi) Duplex : 40 ipm (200/300 dpi) - Độ phân giải: 600 dpi	Chiếc	12	

		- Dung lượng ADF: 50 tờ - Công suất quét ngày: 3000 tờ - Giao tiếp: USB: USB 3.2 Gen 1x1 / USB 2.0 / USB 1.1 Ethernet: 10BASE-T,100BASE-TX,1000BASE-T - Nguồn điện: AC 100 to 240 V ±10 % - Bảo hành: 12 tháng			
3	**Máy đọc thẻ CCCD**	+ Tốc độ lướt (Presentation): Lên đến 120 in./305 cm. trên giây với mã 13 mil UPC trong chế độ tối ưu + Nguồn sáng: Aiming pattern: circular 617 nm amber LED + Đèn chiếu: 660 nm Hyper Red LED + Trường quan sát: 52° H x 33° V nominal + Cảm biến ảnh: 280 x 800 pixels + Độ phân giải in nhỏ nhất: 5% + Độ Xiên/Nghiên Cuộn cho phép: +/-60°; +/- 60°; 360° + Định dạng hình ảnh: Hình ảnh có thể xuất ra các định dạng Bitmap, JPEG hoặc TIFF + Chất lượng hình ảnh: 109 PPI trên khổ 4.1 in. x 5.8 in./khổ A6 + Độ phân giải thành phần tối thiểu: Code 39 – 3.0 mil; Code 128 – 3.0 mil; Data Matrix – 6.0 mil; QR Code – 6.0 mil; PDF – 5.0 mil 1D: Code 39, Code 128, Code 93, Codabar/NW7, Code 11, MSI Plessey, UPC/EAN, I 2 of 5, Korean 3 of 5, GS1 DataBar, Base 32 (Italian Pharma) Code 39, Code 128, Code 93, Codabar/NW7, Code 11, MSI Plessey, UPC/EAN, I 2 of 5, Korean 3 of 5, GS1 DataBar, Base 32 (Italian Pharma) 2D: PDF417, Micro PDF417, Composite Codes, TLC-39, Aztec, DataMatrix, MaxiCode, QR Code, Micro QR, Han Xin, Postal Codes, securPharm, DotCode, Dotted DataMatrix OCR: OCR-A, OCR-B, MICR, US currency + Độ phân giải thành phần tối thiểu: Code 39: 3 mil; Code 128: 3 mil; Data Matrix: 5 mil; QR Code: 5 mil + Kích thước: 5.7 in. H x 3.4 in. W x 3.3 in. D (14.5 cm. H x 8.6 cm. W x 8.3 cm. D)	Chiếc	3	
4	**Máy in**	- Khổ giấy: 80mm	Chiếc	2	

	phiếu khám	- Tốc độ: 250mm/s - Cổng kết nối: USB+Serial+LAN - Độ bền đầu in: 100km - Độ phân giải: 203dpi - Chế độ cắt giấy: tự động - Điện áp: 24V 2.5A			
5	**Bút ký điện tử**	- Cảm biến: RTP (Bảng điều khiển cảm ứng điện trở) - Bề mặt ký đặc biệt với tính năng chống mòn - Cảm biến chuyên dụng cho đầu bút - Ghi nhận chữ ký với mẫu 4D tần số 500 Hz và 1.024 mức áp suất (x, y, z, t) - Khu vực ký hoạt động: 91 x 45 mm - Độ phân giải: 4.096 x 4.096 pixels / 2.214 x 1.130 ppi - Mã hóa: AES-256 và RSA - Chế độ bảo mật: Hiển thị chữ ký theo thời gian thực mà không sử dụng dữ liệu sinh trắc học khả dụng Độ khóa dài: 4096 Bit - Các thuật toán băm (Hash algorithm) hỗ trợ: SHA-1, SHA-256 và SHA-512	Chiếc	3	